TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh;

Bà Trần Thị Mùi.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2020/TLST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vàng A P**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1999, tại: huyện P, tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản C, xã T, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; giới tính: Nam; dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Vàng A D, sinh năm 1960 và bà Sùng Thị C, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Giàng Thị D, sinh năm 2000 và có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/01/2020 đến ngày 01/02/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cứ trú", có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thi Nga - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Vàng A V, sinh năm 1996, địa chỉ: Bản C, xã T, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Phu Gia N, sinh năm 1963, địa chỉ: Bản U, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt;

Ông Lù Pu D, sinh năm 1968, địa chỉ: Bản U, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 22/01/2020, Vàng A P đến nhà Vàng A V chơi và ăn cơm ở đó. Ăn cơm xong, P mượn điện thoại của V rồi xem điện thoại. Khi P đang xem điện thoại trong nhà của V còn V và mọi người vẫn đang ăn cơm ở trong bếp và ngoài sân, thấy trong nhà không có người nên P đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của V để chi tiêu cá nhân. Do đã có lần V nhờ P lấy tiền ở trong túi áo comple màu vàng nâu treo ở dây Pa cuối phòng ngủ của V nên P đứng dậy đi ra chỗ treo chiếc áo đó và dùng tay trái lục soát các túi của chiếc áo đó. P phát hiện ở trong túi áo Pa bên trong ngực trái có một bọc tiền gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng được gói bằng mảnh giấy trắng gấp lại. P đã lấy bọc tiền cho vào túi quần bên trái đang mặc rồi để chiếc điện thoại của V lên trên chiếc loa trong nhà rồi ra lấy xe máy của P đi về. Trên đường đi, P lấy bọc tiền đã trộm cắp ra đếm được 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, gồm 14 tờ tiền có mệnh giá 500.000 nghìn đồng. Đếm tiền xong, P vứt tờ giấy gói tiền đi còn tiền thì P cất vào trong túi quần đang mặc rồi đem tiền đi trả nợ cho bà Phu Gia N 650.000 đồng, trả cho ông Lù Pu D 600.000 đồng, trả cho Phu A C 500.000 đồng. Số tiền còn lại, P tiếp tục chi tiêu cho bản thân, còn lại 3.842.000 đồng.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày 22/01/2020, khi V đi vào lấy tiền trong túi áo để chi tiêu thì phát hiện bị mất tiền. V nghi cho P đã lấy trộm tiền của mình nên đã rủ Vàng A T cùng đi tìm P để hỏi. Khoảng 17 giờ cùng ngày, tại bản Căng Ký, xã Tung Qua Lìn, V và Tu gặp P. P thừa nhận đã lấy trộm số tiền 7.000.000 đồng của V và trả lại cho V số tiền 3.842.000 đồng. Ngày 23/01/2020, P đến đồn công an xã Dào San đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: Số tiền 3.842.000 đồng do anh Vàng A V giao nộp; Số tiền 650.000 đồng do bà Phu Gia Nơ giao nộp; số tiền 600.000 đồng do ông Lù Pu Dì giao nộp và 01 chiếc áo comple màu vàng nâu của anh Vàng A V.

Tại Bản cáo trạng số: 22/CT-VKS, ngày 31/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để xét xử bị cáo Vàng A P về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận thực hiện hành vi đúng như nội dung Cáo trạng.

Người bào chữa cho bị cáo không có tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các điều kiện về nhân thân của bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 06 (Sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sở thẩm cho bị cáo.

Bị hại là anh Vàng A V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, anh V khai sự việc anh bị mất trộm xảy ra đúng như nội dung bị cáo đã khai tại phiên tòa. Về phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại, anh V không có yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phu Gia Nơ và ông Lù Pu Dì đều khai khi nhận tiền của Vàng A P trả nợ thì không biết đó là tiền P đã trộm cắp mà có được nên không có cơ sở để xác định hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bà Nơ và ông Dì đã giao nộp số tiền trên cho cơ quan điều tra và tự thỏa thuận về trách nhiệm dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vàng A P phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án P: Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án P hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]Về chứng cứ, hành vi mà bị cáo đã thực hiện:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, đơn trình báo của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 22/01/2020, khi Vàng A P đang xem điện thoại ở trong nhà của anh Vàng A V, thấy trong nhà không có người nên P đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của anh V để chi tiêu cá nhân. P đã lục soát và trộm cắp được số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng của anh V để ở trong túi chiếc áo comple màu vàng nâu treo ở cuối giường ngủ của anh V. Sau đó, P đem đi trả nợ và chi tiêu cá nhân hết 3.158.000 đồng, còn lại 3.842.000 đồng. Khi bị anh V phát hiện hành vi trộm cắp, P đã trả lại số tiền 3.842.000 đồng cho anh V.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang cho người chủ tài sản và tạo dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo đã nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, nên phần nào ảnh hưởng đến khả năng nhận thức pháp luật của bị cáo. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng lại lười lao động, không dùng sức của mình để lao động, kiếm tiền bằng con đường chân chính mà lại đi trộm cắp tài sản của người khác để tiêu sài cho bản thân.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra cho xã hội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo và nâng cao ý thức pháp luật cho bị cáo, góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Quan điểm của người bào chữa đề nghị mức hình phạt 06 (Sáu) tháng tù là không tương xứng với mức độ nguy hiểm và hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, không đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[4]Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]Về xử lý vật chứng: Toàn bộ vật chứng thu giữu của vụ án gồm: Số tiền 3.842.000 đồng do anh Vàng A V giao nộp; Số tiền 650.000 đồng do bà Phu Gia Nơ giao nộp; số tiền 600.000 đồng do ông Lù Pu Dì giao nộp và 01 chiếc áo comple màu vàng nâu của anh Vàng A V đã được cơ quan điều tra trao trả cho anh Vàng A V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ P Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P và lệ P Tòa án,

Tuyên bố:

1. Bị cáo **Vàng A P** phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vàng A P 09 (Chín) tháng tù.

Bị cáo được khấu trừ thời gian bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/01/2020 đến ngày 01/02/2020. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Án P hình sự sơ thẩm: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CA huyện Phong Thổ (CQĐT, THAHS);
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Tung Qua Lìn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh